

LINORIP®

Lisinopril 10 mg

THÀNH PHẦN:

Lisinopril: 10 mg

CHỈ ĐỊNH:

Tăng huyết áp: gồm tăng huyết áp vô căn

Tăng huyết áp do mạch máu thận.

Suy tim sung huyết.

Nhồi máu cơ tim cấp.

CÁCH DÙNG – LIỀU DÙNG:

Tăng huyết áp vô căn:

Có thể dùng Linorip đơn lẻ hoặc kết hợp với các nhóm thuốc hạ huyết áp khác.

Liều khởi đầu được khuyến cáo thông thường là 10 mg.

Liều duy trì hiệu quả thông thường là 20 mg, uống 1 lần/ngày. Nên điều trị liều tùy thuộc vào sự đáp ứng về huyết áp. Liều tối đa đã được sử dụng là 80mg/ngày, trong những nghiên cứu lâm sàng lâu dài có kiểm soát.

Tăng huyết áp do mạch máu thận:

Liều khởi đầu được khuyến cáo thông thường là 2,5 hoặc 5 mg. Nên điều trị liều tùy thuộc vào sự đáp ứng về huyết áp.

Suy tim sung huyết:

Linorip được chỉ định trong điều trị phối hợp với thuốc lợi tiểu và thường với thuốc nhóm digitalis.

Liều khởi đầu được khuyến cáo là 2,5 mg,

uống 1 lần/ ngày.

Liều hiệu quả thông thường trong khoảng 5-20 mg,

uống 1 lần/ngày.

Nhồi máu cơ tim cấp:

Linorip được chỉ định cho những bệnh nhân ổn định về huyết động trong vòng 24 giờ của nhồi máu cơ tim cấp, để cải thiện sống còn.

Liều ban đầu là uống Linorip 5 mg, tiếp theo uống 5 mg sau 24 giờ, 10 mg sau 48 giờ và liều duy trì 10 mg, ngày 1 lần. Nên điều trị liên tục trong 6 tuần. Bệnh nhân nên nhận được điều trị chuẩn theo khuyến cáo thích hợp như là thuốc tan huyết khối, aspirin và thuốc chẹn beta.

CHỐNG CHỈ ĐỊNH:

Bệnh nhân được biết mẫn cảm với thành phần của thuốc.

Bệnh nhân có tiền sử phù mạch do dùng thuốc ức chế men chuyển. Bệnh nhân có phù mạch do di truyền.

Bệnh nhân bị hẹp lỗ van động mạch chủ, hoặc bệnh cơ tim tắc nghẽn, hẹp động mạch thận hai bên hoặc ở một thận đơn độc.

Tài liệu Thông tin cho cán bộ Y tế

Phụ nữ mang thai hoặc trong thời gian cho con bú.

LƯU Ý VÀ THẬN TRỌNG:

Ở bệnh nhân tăng huyết áp có dùng Linorip, tụt huyết áp có khả năng xảy ra hơn nếu bệnh nhân bị giảm thể tích, chẳng hạn như do dùng thuốc lợi tiểu hoặc do hạn chế muối. Nếu xảy ra tụt huyết áp, bệnh nhân nên được theo dõi ở tư thế nằm, và bù dịch nếu có tụt huyết áp nặng.

Sử dụng thận trọng cho bệnh nhân có tiền sử thương tổn chức năng thận, bệnh nhân dùng thuốc lợi tiểu giữ kali hoặc thuốc bổ sung kali.

Thời kỳ mang thai hoặc đang cho con bú:

- Thuốc ức chế enzym chuyển có nguy cơ cao gây bệnh và tử vong cho thai nhi và trẻ sơ sinh nếu trong thời kỳ mang thai, nhất là trong 3 tháng giữa và 3 tháng cuối của thai kỳ, bà mẹ dùng thuốc này. Vì vậy không dùng lisinopril cho người mang thai.

- Chưa xác định thuốc có bài tiết vào sữa mẹ hay không, không nên dùng thuốc cho người đang nuôi con bú.

Tác dụng của thuốc khi lái xe và vận hành máy móc:

Thận trọng dùng thuốc khi lái xe và vận hành máy móc.

TÁC DỤNG KHÔNG MONG MUỐN:

Đau đầu, ho khan, chóng mặt, tiêu chảy, tụt huyết áp và nổi mề đay.

Thông báo cho bác sĩ những tác dụng không mong muốn gặp phải khi sử dụng thuốc.

TƯƠNG TÁC THUỐC:

Indomethacin làm giảm hiệu quả của Lisinopril.

Dùng đồng thời với thuốc lợi tiểu giữ kali và các thuốc bổ sung kali có thể dẫn đến tăng kali máu.

Dùng đồng thời với Lithium có thể dẫn đến tăng độc tính của Lithium.

TRÌNH BÀY:

Hộp 2 vỉ x 10 viên nén.

Hộp 3 vỉ x 10 viên nén.

Hộp 10 vỉ x 10 viên nén.

ĐỌC KỸ HƯỚNG DẪN SỬ DỤNG TRƯỚC KHI DÙNG.

NẾU CẦN THÊM THÔNG TIN, XIN HỎI Ý KIẾN BÁC SĨ.



CÔNG TY CỔ PHẦN DƯỢC PHẨM OPV

Nhà máy: Số 27, Đường 3A, KCN Biên Hòa II, Đồng Nai - ĐT: (061) 3992 999 - Fax: (061) 3853 088

VP. Hồ Chí Minh: P.1006, Lầu 10, Citilight Tower, 45 Võ Thị Sáu, P.Đakao, Quận. 1, TP. HCM - ĐT: 08- 38205 337 - Fax: 08 - 38205 336

VP Hà Nội: Tầng 4, King Building, số 7 Phố chùa Bộc, Q. Đống Đa, Hà Nội - ĐT: (04) 37 342 774 - Fax: (04) 37 342 773